TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/KDTM-ST
Ngày: 28-5-2018
V/v tranh chấp Hợp đồng
vận chuyển hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Chính
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Anh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2017/TLST-KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vận chuyển hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2018/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. <u>Nguyên đơn</u>: Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Xuất nhập khẩu T có địa chỉ trụ sở chính tại đường số 6, phường H, quận T, TP.HCM.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông S, chức danh: Giám đốc.
- Người đại diện do Công ty ủy quyền: Ông Phan Phụng Đức D, địa chỉ: 41 đường T, phường Đ, Quận 1, TP.HCM (có mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 29/3/2017).

2. <u>Bị đơn</u>: Công ty TNHH K & T có địa chỉ trụ sở chính tại ấp T, xã T, huyện H, TP.HCM.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Bà L, chức danh: Giám đốc, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, TP.HCM (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 29/3/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu T có đại diện là ông Phan Phụng Đức D trình bày:

Ngày 19/01/2015 Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Xuất nhập khẩu T (sau đây viết tắt là Công ty T) và Công ty TNHH K & T (sau đây viết tắt là Công ty K) ký Hợp đồng dịch vụ đại lý vận chuyển hàng hóa số 30/15/01/HDDVDLVCHH-QT, theo đó, Công ty T nhận vận chuyển hàng hóa xuất khẩu cho Công ty K, địa điểm vận chuyển từ cảng Hồ Chí Minh/sân bay Tân Sơn Nhất đến cảng/các sân bay quốc tế theo yêu cầu do Công ty K đưa ra, số lượng hàng vận chuyển và giá cả do hai bên thông báo bằng bảng báo giá theo tuần hoặc theo tháng tùy thời điểm thực hiện công việc.

Sau khi ký hợp đồng, hai bên hợp tác thực hiện công việc theo thỏa thuận đã ký kết, tuy nhiên từ ngày 29/5/2015 Công ty K bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T ngưng thực hiện công việc vận chuyển cho Công ty K. Tính đến thời điểm Công ty K vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Công ty K còn nợ của Công ty T số tiền là 674.029.085 đồng. Ngày 15/9/2015 Công ty K có viết Giấy cam kết sẽ thanh toán hết số tiền còn nợ cho Công ty T vào tháng 3/2016. Sau đó Công ty K đã thanh toán cho Công ty T 06 lần vào các ngày 10/10/2015, 05/11/2015, 30/12/2015, 29/01/2016, 28/3/2016 và ngày 19/5/2016 với tổng số tiền là 610 triệu đồng. Đối với số nợ còn lại là 64.029.085 đồng đến nay Công ty K chưa thanh toán cho Công ty T. Do đó, phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc Công ty K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T số nợ là 64.029.085 đồng và tiền lãi đối với khoản nợ chậm thanh toán tạm tính từ ngày 19/5/2016 đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất quá hạn do Nhà nước quy định, thi hành 1 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của phía nguyên đơn căn cứ tiền cước vận chuyển của các lô hàng phía Công ty T xuất cho Công ty K theo 26 Hóa đơn GTGT (từ ngày 18/3/2015 đến ngày 19/5/2015) với tổng số tiền là 1.522.121.183 đồng và thực tế Công ty K đã thanh toán cho Công ty T tổng cộng 09 đợt với tổng số tiền là 1.458.092.000 đồng, đề nghị Tòa án xem xét buộc Công ty K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T số nợ là 64.029.085 đồng và tiền lãi đối với khoản nợ chậm thanh toán tạm tính từ ngày 19/5/2016 đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất cơ bản do pháp luật quy định, thi hành 1 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn Công ty K vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa cho thấy Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định do Bộ Luật Tố tụng dân sự quy định. Bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì

vậy, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty K còn nợ của Công ty T số tiền chưa trả là 64.029.085 đồng. Do đó, đại diện phía nguyên đơn yêu cầu Công ty K trả cho Công ty T số nợ chưa thanh toán là 64.029.085 đồng và tiền lãi đối với khoản nợ chậm thanh toán tính từ ngày 19/5/2016 đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất cơ bản do pháp luật quy định là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Công ty T căn cứ Hợp đồng dịch vụ đại lý vận chuyển hàng hóa số 30/15/01/HDDVDLVCHH-QT do Công ty K và Công ty T ký ngày 19/01/2015, căn cứ thực tế thực hiện công việc và việc thanh toán công nợ giữa hai công ty để khởi kiện yêu cầu Công ty K trả số nợ chưa thanh toán là 64.029.085 đồng và tiền lãi đối với khoản nợ chậm thanh toán nên đây là tranh chấp Hợp đồng vận chuyển hàng hóa giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn là Công ty K có trụ sở trên địa bàn huyện Hóc Môn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.HCM thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Công ty K (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn.

[4] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty T có đại diện là ông Phan Phụng Đức D yêu cầu Công ty K trả cho Công ty T số nợ chưa thanh toán là 64.029.085 đồng và tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ Hợp đồng dịch vụ đại lý vận chuyển hàng hóa số 30/15/01/HDDVDLVCHH-QT do Công ty K và Công ty T ký ngày 19/01/2015 thể hiện giữa hai bên có thỏa thuận Công ty K thuê Công ty T vận chuyển hàng hóa xuất khẩu của Công ty Fashion từ cảng Hồ Chí Minh/sân bay Tân Sơn Nhất đến các cảng/các sân bay quốc tế bằng đường hàng không, đường biển theo yêu cầu do Công ty K đưa ra. Căn cứ Cam kết thanh toán nợ ngày 15/9/2015, Công văn số 04/12/CV-TT ngày 18/12/2015 về việc xác nhận số liệu công nợ có đại diện phía Công ty K ký xác nhận, căn cứ tiền cước vận chuyển của các lô hàng phía Công ty T xuất cho Công ty K theo 26 Hóa đơn GTGT (từ ngày 18/3/2015 đến ngày 19/5/2015) với tổng số tiền là 1.522.121.183 đồng và phía Công ty T xác nhận từ ngày 03/4/2015 đến ngày 19/5/2016 Công ty K đã thanh toán cho Công ty T tổng cộng 09 đợt với số tiền là 1.458.092.000 đồng thể hiện Công ty K còn nợ của Công ty T số tiền chưa trả là

64.029.085 đồng. Do đó, phía Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty K trả số nợ chưa thanh toán là 64.029.085 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu về tiền lãi, tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định yêu cầu Công ty K thanh toán thêm tiền lãi đối với khoản nợ chậm thanh toán tính từ ngày 19/5/2016 đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất cơ bản do pháp luật quy định, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình hai bên hợp tác, tính đến ngày 19/5/2015 Công ty T đã xuất 26 Hóa đơn tiền cước vận chuyển cho Công ty K với tổng số tiền là 1.522.121.183 đồng, phía Công ty K đã thanh toán cho Công ty T 09 đợt với số tiền là 1.458.092.000 đồng và kể từ ngày 19/5/2016 thì Công ty K ngưng không thanh toán cho đến nay nên Công ty K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, Công ty T yêu cầu Công ty K phải trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất cơ bản là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2010 thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm nên lãi suất hàng tháng là 0,75%. Vì vậy, Công ty K phải thanh toán cho Công ty T khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản đối với khoản nợ chậm thanh toán tính từ ngày 19/5/2016 đến ngày Tòa án xét xử với số tiền là 11.669.300 đồng (64.029.085 đồng x 0,75% x 24 tháng 09 ngày).

Đối với phía bị đơn là Công ty K đã được tống đạt hợp lệ thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả việc tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, như vậy Công ty K biết rõ nội dung cũng như số tiền mà Công ty T khởi kiện nhưng Công ty K đã không đến Tòa để giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Do đó, bị đơn Công ty K đã từ bỏ quyền chứng minh của mình và phải chấp nhận số tiền nợ chưa thanh toán mà phía nguyên đơn đã đưa ra.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc Công ty K thanh toán cho Công ty T số tiền nợ là 64.029.085 đồng và tiền lãi đối với khoản nợ chậm thanh toán là 11.669.300 đồng.

[6] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ chưa thanh toán và tiền lãi đối với khoản nợ chậm thanh toán được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 91 và Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu T về việc yêu cầu Công ty TNHH K & T trả số nợ chưa thanh toán là 64.029.085 đồng và tiền lãi đối với khoản nợ chậm thanh toán tính từ ngày 19/5/2016 đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất cơ bản do Nhà nước quy định:

Buộc Công ty TNHH K & T phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu T tổng số tiền 75.698.385 (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn ba trăm tám mươi lăm) đồng. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH K & T phải chịu 3.784.919 (Ba triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm mười chín) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.041.382 (Ba triệu không trăm bốn mươi mốt ngàn ba trăm tám mươi hai) đồng theo Biên lai thu tiền số 0030847 ngày 16/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

3/. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKDND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh